

Bản án số: 94/2024/DS-ST  
Ngày: 30-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Trần Thị Chín

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 145/2024/TLST- DS, ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2024/QĐXX – ST ngày 25 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Điều Hà Hồng L, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Chị Ninh Thị Nguyễn H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 9, xã D, huyện E, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Công Ng, sinh năm 1989 (Có mặt)

- Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1990 (Vắng mặt, xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Điều Hà Hồng L và người đại diện theo ủy quyền chị Ninh Thị Nguyễn H trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên bà Điều Hà Hồng L có cho vợ chồng anh Nguyễn Công Ng và chị Nguyễn Thị Kim Th vay nhiều lần với tổng số tiền 300.000.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu trả tiền thì ngày 28/7/2022 anh Nguyễn Công Ng viết giấy cam kết trả nợ; theo đó anh Ng hẹn đến sang tháng 9/2022 trả cho bà L số tiền 150.000.000

đồng, còn lại 150.000.000 đồng hẹn tháng 7/2023 sẽ trả. Mục đích vay để làm ăn và đáo hạn ngân hàng. Giấy cam kết này chỉ một mình anh Ng viết, ký nhưng khi nhận tiền có vợ anh Ng là chị Nguyễn Thị Kim Th nhận tiền. Các bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng từ khi viết giấy cam kết thì các bên không thỏa thuận lãi suất.

Tuy nhiên, tới thời hạn trả nợ như giấy cam kết đã viết nhưng vợ chồng anh Ng không trả tiền cho bà L như thỏa thuận mặc dù bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu anh Ng, chị Th phải trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày viết giấy cam kết 28/7/2022 cho đến ngày khởi kiện 10/7/2024 với mức lãi suất 01%/tháng là 70.300.000 đồng. Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

**Bị đơn anh Nguyễn Công Ng trình bày:** Từ năm 2017 cho đến năm 2022, anh Ng có vay bà L nhiều lần, anh Ng không nhớ cụ thể số tiền nhưng tổng khoảng gần 300.000.000 đồng, khi vay có viết giấy nhưng lãi suất thì không ghi vào giấy mà chỉ nói miệng với lãi suất từ 4%/tháng đến 5%/tháng, anh Ng vẫn đóng lãi cho bà L hàng tháng thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của bà L hoặc đưa tiền mặt. Nhưng sau đó, do không có khả năng trả lãi nên vào ngày 28/7/2022 bà L yêu cầu chốt nợ số gốc và tiền lãi là 300.000.000 đồng, đồng thời viết lại giấy cam kết trả nợ. Theo đó thì hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là: Tới tháng 9 âm lịch năm 2022 trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng, tháng 7/2023 trả số tiền 150.000.000 đồng còn lại. Về lãi suất hai bên thỏa thuận lãi là 3,3%/tháng (10.000.000 đồng/tháng) nhưng không ghi vào giấy mà chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi viết giấy cam kết xong thì anh Ng không rõ bà L có xé giấy nợ cũ đi không.

Việc vay tiền chỉ có một mình anh Ng đứng ra vay, vay với mục đích đầu tư làm ăn chứ vợ anh Ng là chị Nguyễn Thị Kim Th không có vay nhưng chị Th có biết việc anh Ng vay tiền của bà L và mục đích vay vì sau khi vay đầu tư làm ăn thì anh Ng có nói cho chị Th biết và chị Th không có ý kiến gì. Khi nhận tiền thì anh Ng là người trực tiếp nhận, chị Th không nhận lần nào vì chị Th không biết việc vay này. Do đó anh Ng không đồng ý việc bà L yêu cầu cả chị Th cùng trả nợ cho bà L.

Đối với số tiền bà L yêu cầu thì anh Ng chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng, còn khoản tiền lãi thì xin bà L cho anh Ng vì anh Ng hiện nay không có khả năng trả. Đồng thời, anh Ng xin được trả dần số tiền 300.000.000 đồng với mức 2.000.000 đồng/tháng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 01/2025. Trường hợp sau một năm công việc của anh Ng ổn định thì anh Ng sẽ trả số tiền cho bà L nhiều hơn. Nếu bà L không đồng ý với đề nghị này của anh Ng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, anh Ng không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

**Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Th trình bày:** Chị Th là vợ của anh Ng, việc anh Ng vay bà L số tiền 300.000.000 đồng thời gian nào và mục đích gì thì chị Th không biết vì anh Ng không nói. Chị Th chỉ biết khoảng sau tháng 4/2021 khi bà L gọi điện cho chị Th thông báo thu xếp trả tiền anh Ng nợ bà L thì chị Th mới biết việc anh Ng có nợ bà L 300.000.000 đồng. Chị Th nói với bà L anh Ng là người mượn thì anh Ng tự thu xếp trả, nếu như có khả năng thì chị Th sẽ phụ trả cho anh Ng. Chị Th không trực tiếp đi nhận số tiền nào trong khoản vay 300.000.000 đồng mà anh Ng vay bà L. Chị Th chỉ nhận số tiền 70.000.000 đồng của bà L vào khoảng tháng 3/2021 do anh Ng nói chị Th gặp bà L lấy tiền cho anh Ng đáo hạn ngân hàng. Vài ngày sau sau khi đáo hạn thì chị Th, anh Ng đã trả số tiền này cho bà L rồi.

Chị Th không trực tiếp vay tiền bà L mà người vay và sử dụng tiền là anh Ng nên anh Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà L. Do đó, chị Th không đồng ý cùng anh Ng trả khoản nợ 300.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Ninh Thị Nguyên H yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Công Ng và chị Nguyễn Thị Kim Th phải trả thêm khoản tiền lãi từ ngày 11/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 01%/tháng, tương đương số tiền 7.900.000 đồng. Đồng thời xác định từ khi anh Ng viết giấy cam kết trả nợ ngày 28/7/2022 thì hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng.

Bị đơn anh Nguyễn Công Ng xác định còn nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng như giấy cam kết ngày 28/7/2022, tuy nhiên chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc này và xin bà L khoản tiền lãi; đồng thời xin được trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Đối với yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Kim Th phải liên đới trả nợ cùng thì anh Ng không đồng ý vì người vay tiền là anh Ng, chị Th chỉ biết việc này khi anh Ng không có khả năng trả lãi cho bà L thì bà L mới thông báo cho chị Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điều Hà Hồng L; buộc anh Nguyễn Công Ng và chị Nguyễn Thị Kim Th phải trả cho bà L số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện anh Nguyễn Công Ng và chị Nguyễn Thị Kim Th có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để yêu cầu anh Ng, chị Th phải trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

*Về nội dung:*

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Công Ng đều thống nhất nội dung: Anh Ng có vay tiền của bà L nhiều lần, tới ngày 28/7/2022 thì hai bên chốt nợ số tiền 300.000.000 đồng, đồng thời viết lại giấy cam kết trả nợ. Theo đó thì hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau: Sang tháng 9/2022 âm lịch, anh Ng trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng, số tiền 150.000.000 đồng còn lại hẹn tới tháng 7/2023 sẽ trả. Anh Ng xác nhận hiện nay vẫn chưa trả số tiền này cho bà L và đồng ý trả cho bà L số tiền này.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu cả anh Ng và chị Nguyễn Thị Kim Th phải trả số tiền 300.000.000 đồng thấy rằng: Mặc dù tại giấy cam kết ngày 28/7/2022 chỉ một mình anh Ng đứng tên người vay và ký tên. Anh Ng và chị Th cho rằng khi vay

tiền chị Th không biết, chị Th không ký tên vào giấy, cho đến khi anh Ng không có trả tiền được cho bà L thì chị Th mới được bà L thông báo việc này nên không đồng ý cùng anh Ng trả nợ cho bà L. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh Ng thừa nhận mục đích vay tiền bà L là để đầu tư làm ăn phục vụ trang trải cuộc sống hằng ngày của gia đình. Như vậy, xét thấy thời điểm anh Ng vay tiền bà L trong thời kỳ hôn nhân của anh Ng và chị Th, mục đích vay là để đầu tư làm ăn là tạo ra thu nhập phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, chị Th phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh Ng trả số tiền mà anh Ng đã vay của bà L cho bà L.

[4] Đối với mức lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bà L yêu cầu anh Ng và chị Th phải trả khoản tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng từ ngày viết giấy cam kết ngày 28/7/20022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, xét thấy tại giấy cam kết đề ngày 28/7/2022 không ghi lãi suất, tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tuy nhiên bị đơn xác định đóng lãi số tiền 10.000.000đồng/tháng (tương đương 3,3 %/tháng). Như vậy, việc vay tiền giữa các bên là có thỏa thuận lãi suất nhưng có tranh chấp về lãi suất.

Theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được tính 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Phía nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về thời gian tính lãi suất: Các bên thừa nhận thời hạn trả nợ số tiền 300.000.000 đồng như thỏa thuận tại giấy cam kết ngày 28/7/2022. Cụ thể số tiền 150.000.000 đồng hẹn sang tháng 9 âm lịch trả nhưng không xác định ngày trả nên thời hạn cuối cùng trả tiền được xác định là ngày cuối cùng của tháng ngày 29/9/2022 Âm lịch (Ngày 24/10/2022 Dương lịch) và số tiền 150.000.000 đồng còn lại là tới tháng 7/2023 nhưng không xác định ngày nên thời hạn cuối cùng trả tiền được xác định là ngày cuối cùng của tháng là ngày 31/7/2023. Do hợp đồng vay tài sản này giữa các bên là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi nên khoản lãi được tính là lãi trong hạn và lãi quá hạn.

[6] Về số tiền lãi:

*Đối với số tiền 150.000.000 đồng các bên thỏa thuận tới tháng 9/2022 Âm lịch trả:*

- Tiền lãi trong hạn được tính từ ngày ngày 28/7/2022 cho đến ngày 24/10/2022 là 02 tháng 27 ngày. Tương đương số tiền  $(150.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/tháng) \times 02 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 3.610.500 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 25/10/2022 cho đến ngày 30/9/2024 là 23 tháng 05 ngày. Tương đương số tiền  $(150.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \text{ (mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu)}) \times 23 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 34.500.000 \text{ đồng}$

*Đối với số tiền 150.000.000 đồng các bên thỏa thuận tới tháng 7/2023 trả:*

- Tiền lãi trong hạn được tính từ ngày ngày 28/7/2022 cho đến ngày 31/7/2023 là 11 tháng 03 ngày. Tương đương số tiền  $(150.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/tháng) \times 11 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 13.819.500 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 01/8/2023 cho đến ngày 30/9/2024 là 12 tháng 29 ngày. Tương đương số tiền  $(150.000.000 \text{ đồng} \times 1\%) \times 12 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 19.450.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền lãi anh Ng, chị Th có nghĩa vụ trả cho bà L là 71.380.000 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điều Hà Hồng L về việc buộc anh Nguyễn Công Ng, chị Nguyễn Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L về khoản tiền lãi, buộc anh Ng và chị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền lãi là 71.380.000 đồng; tổng số tiền anh Ng, chị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà L là 371.380.000 đồng.

[8] Bị đơn anh Ng đề nghị được trả dần số tiền 300.000.000 đồng cho nguyên đơn và xin khoản tiền lãi nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên đề nghị này của anh Ng không được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải chịu án phí đối với khoản tiền lãi không được chấp nhận là 6.820.000 đồng, tương đương số tiền 314.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 9.257.500 đồng theo biên lai thu số 0009310 ngày 02/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng; hoàn trả cho bà L số tiền 8.943.500 đồng.

Anh Ng, chị Th phải chịu 18.569.000 đồng.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điều Hà Hồng L.

Buộc anh Nguyễn Công Ng, chị Nguyễn Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Điều Hà Hồng L tổng số tiền 371.380.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Trong đó có 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) tiền nợ gốc và 71.380.000 đồng (*Bảy mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền lãi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Điều Hà Hồng L phải chịu số tiền 314.000 đồng (*Ba trăm mười bốn nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 9.257.500 đồng (*Chín triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai

thu số 0009310 ngày 02/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng; hoàn trả cho bà L số tiền 8.943.500 đồng (*Tám triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Anh Nguyễn Công Ng, chị Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 18.569.000 đồng (*Mười tám triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- THA huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Đào**